

MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ PHƯƠNG THỨC HÒA GIẢI TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP DÂN SỰ

PHAN TRẦN MAI PHƯƠNG
Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh
PHẠM THỊ THUỶ KIỀU
Trường Đại học Tài chính - Marketing

Nhận bài ngày 06/8/2026. Sửa chữa xong 20/9/2026. Duyệt đăng 25/9/2026.

Abstract

The article studies the international experience of mediation in civil dispute resolution in a number of countries such as the United States, Germany, Japan, Singapore, the United Kingdom and China. By means of document research, analysis, synthesis and comparative jurisprudence, the article clarifies the legal basis, organizational model, role of the court, mediator standards and the mechanism for recognizing successful mediation results. The research results show that international mediation develops in the direction of professionalism, multi-layered, flexible, confidential and enhanced technology application. From there, the article proposes six reference values to improve the law, organize mediation, improve the capacity of mediators and ensure the effective implementation of mediation agreements in Vietnam.

Keywords: Civil disputes; mediation methods; International experience.

1. Đặt vấn đề

Tranh chấp dân sự là vấn đề khá phức tạp, trực tiếp liên quan đến các quyền của con người như quyền sở hữu tài sản, quyền thừa kế, quyền nhân thân, các quan hệ hôn nhân, gia đình, quan hệ hợp đồng,... Việc giải quyết các tranh chấp dân sự theo phương thức tố tụng tại tòa án sẽ góp phần bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời thể hiện tính quyền lực của nhà nước. Tuy nhiên, phương thức này diễn ra trong thời gian dài, gia tăng sự căng thẳng, thậm chí ảnh hưởng không tốt đến mối quan hệ giữa các bên liên quan. Do vậy, phương thức hòa giải được coi là giải pháp hiệu quả để giải quyết các tranh chấp dân sự phát sinh trong đời sống xã hội. Đây cũng là phương thức được rất nhiều các quốc gia trên thế giới sử dụng. Các phương thức hòa giải được các quốc gia trên thế giới sử dụng phổ biến là hòa giải tiến hành tại tòa án, hòa giải tiến hành bên ngoài tòa án, hòa giải được tòa án giới thiệu, hòa giải tại cộng đồng và phương thức hòa giải trực tuyến. Cùng với việc lựa chọn các mô hình hòa giải hiệu quả, các quốc gia cũng xây dựng đội ngũ hòa giải viên chuyên nghiệp. Tại Việt Nam, phương thức hòa giải được quy định trong nhiều bộ luật, thực tiễn cho thấy, phương thức hòa giải đã góp phần giảm tải cho các cơ quan tư pháp trong quá trình xét xử, đồng thời bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan. Song, thực tiễn áp dụng phương thức hòa giải trong các tranh chấp dân sự ở Việt Nam vẫn còn những hạn chế. Do vậy, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và rút ra những gợi mở cho Việt Nam trong thực hiện phương thức hòa giải trong giải quyết các tranh chấp dân sự là rất cần thiết.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp từ các nguồn văn bản luật, các công trình nghiên cứu khoa học, tạp chí, Internet,... nghiên cứu về phương thức hòa giải trong giải quyết các tranh chấp dân sự tại một số quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, Anh, Đức, Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc và rút ra một số gợi mở kinh nghiệm cho Việt Nam. Phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng để làm rõ cơ sở pháp lý, các vấn đề về hòa giải như mô hình, quy trình hòa giải, vai trò của các giải

Email: p.tmphuong@hcmca.edu.vn

viên,... Phương pháp luật học so sánh được sử dụng để chỉ ra những điểm chung và khác biệt giữa các mô hình hòa giải trên thế giới.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Kinh nghiệm quốc tế về phương thức hòa giải trong giải quyết các tranh chấp dân sự

Phương thức hòa giải là phương thức được sử dụng khá phổ biến trên thế giới trong giải quyết các tranh chấp dân sự, đó là phương thức được tiến hành với sự tham gia của chủ thể thứ ba độc lập, tiến hành các trao đổi, thỏa thuận để tìm kiếm giải pháp chung giữa các bên tranh chấp. Mặc dù các phương thức hòa giải được tiến hành bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng đều có điểm chung là tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật, đảm bảo công lý, cắt giảm các chi phí tố tụng, rút ngắn thời gian tố tụng và duy trì mối quan hệ giữa các bên tranh chấp.

3.1.1. Kinh nghiệm của Hoa Kỳ

Trong nhiều năm qua, hệ thống Alternative Dispute Resolution - ADR (Hệ thống giải quyết tranh chấp thay thế) của Hoa Kỳ, là tập hợp nhiều phương thức giải quyết tranh chấp diễn ra bên ngoài tòa án. Hệ thống ADR cho thấy, có nhiều hình thức khác nhau được sử dụng như trọng tài, hòa giải, xây dựng các quy tắc thông qua đàm phán, điều tra thực tế trung lập và các phiên toàn thu nhỏ. Mô hình này thể hiện sự linh hoạt trong việc sử dụng các phương thức hòa giải và có tính phân quyền cho các tòa án liên bang cũng như hệ thống tòa án ở các bang của Hoa Kỳ. Hệ thống ADR được sử dụng rất phổ biến trong các hoạt động của các tòa án liên bang, rất nhiều tòa án đã cho phép các thẩm phán có thể chuyển các vụ án tranh chấp dân sự sang hòa giải, thậm chí Hoa Kỳ đã quy định một số nhóm tranh chấp dân sự phải tham gia ADR trước khi đưa ra xét xử tại tòa án. Ngoài ra, phương thức hòa giải trực tuyến (Online Dispute Resolution - ODR) đã được Hoa Kỳ sử dụng khá sớm. “Trung tâm Quốc gia về Tòa án Tiểu bang ước tính các khu vực pháp lý ở ít nhất 40 tiểu bang của Hoa Kỳ hiện đang tìm các khả năng kết hợp ODR trong hệ thống tòa án. Tại thời điểm hiện tại có 35 tiểu bang hoặc đã có các chương trình ODR đang hoạt động hoặc có kế hoạch thực hiện chúng trong một khoảng thời gian ngắn. Tính đến giữa năm 2019, khoảng 50 tòa án trên khắp Hoa Kỳ được báo cáo đã có chương trình ODR hoạt động” (Lê Xuân Tùng, 2021).

3.1.2. Kinh nghiệm của Vương Quốc Anh

Phương thức hòa giải góp phần giảm áp lực đáng kể cho hệ thống tòa án, được xem là phương thức phổ biến trong giải quyết các tranh chấp dân sự tại Anh. Vương quốc Anh đã ban hành Bộ quy tắc Tố tụng dân sự (Civil Procedure Rules - CPR) vào năm 1998, trong đó ưu tiên phương thức giải quyết tranh chấp phù hợp và tương xứng, hiệu quả về kinh tế, giảm bớt gánh nặng cho tòa án. CPR khuyến khích các hình thức giải quyết tranh chấp dân sự như trọng tài, hòa giải. Nhóm quy tắc số 44 của CPR được coi là công cụ quan trọng nhất để thúc đẩy các bên giải quyết thông qua hòa giải. Cụ thể là: nếu có căn cứ cho rằng một bên đã trốn tránh hoặc từ chối hòa giải mà không có lý do chính đáng, thẩm phán có quyền áp dụng một khoản chi phí tố tụng (Quy tắc 44.5, The Civil Procedure Rules 1998). Hòa giải có nhiều ưu thế trong giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ, giúp đạt được những kết quả mà các bên cùng có lợi; đồng thời, giảm áp lực đáng kể cho hệ thống tòa án. Tuy nhiên, “vướng mắc lớn nhất là hòa giải chỉ có thể tiến hành nếu các bên cùng có thiện chí - điều không dễ đạt được khi tranh chấp đã xảy ra. Mặc dù nguyên tắc của hòa giải là tự nguyện, Bộ quy tắc CPR đã mang đến một cách tiếp cận linh hoạt nhằm ràng buộc các bên ưu tiên lựa chọn hòa giải” (Nguyễn Sơn Hải, 2024). Như vậy, phương thức hòa giải trong giải quyết các tranh chấp dân sự ở nước Anh vẫn tôn trọng quyền quyết định của các bên tranh chấp, song đã tăng cường vai trò định hướng của tòa án để đưa phương thức hòa giải trở thành bước quan trọng trong giải quyết các tranh chấp dân sự.

3.1.3. Kinh nghiệm của Cộng hòa Liên bang Đức

Đức ban hành Luật Hòa giải năm 2012 với phạm vi điều chỉnh rất rộng, hầu hết các tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực dân sự như các tranh chấp dân sự phát sinh từ các quan hệ pháp luật về hôn nhân và gia đình, lao động, xây dựng, bảo hiểm, sở hữu trí tuệ, phá sản, thừa kế,... đều có thể được giải quyết thông qua quy trình hòa giải. Theo luật này, hòa giải viên đơn giản là một người độc lập và không thiên

vị, đứng ra hỗ trợ các bên trong quá trình hòa giải nhưng không có thẩm quyền ban hành bất kỳ quyết định nào, họ là những người hỗ trợ, bằng khả năng của mình mang các bên lại với nhau và không có thẩm quyền ban hành bất kỳ phán quyết nào. Hòa giải viên phải là những người thực sự vô tư, khách quan, khi tiến hành những bước đầu tiên của quy trình hòa giải, hòa giải viên phải thông báo đến các bên tranh chấp và phải giải trình tất cả các tình huống có thể dẫn đến những việc vi phạm sự độc lập và không thiên vị. Đồng thời, hòa giải viên phải đảm bảo bí mật thông tin mà mình tiếp thu được trong suốt quá trình hòa giải, nếu chưa được sự đồng ý của các bên, hòa giải viên không được tiết lộ thông tin ra bên ngoài, vi phạm sẽ chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật. “Quy trình hòa giải, vốn tốn kém thời gian, tiền của và công sức của các bên, sẽ là lý tưởng nhất khi các bên có thể ngồi lại để thỏa thuận với nhau về tất cả những nội dung tranh chấp dưới sự hỗ trợ, chứng kiến của hòa giải viên” (Thiện, Linh, 2022).

3.1.4. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Phương thức hòa giải ở Nhật Bản có sự gắn kết rất chặt chẽ với hệ thống tòa án. Luật Hòa giải dân sự ở Nhật Bản năm 1951, trải qua nhiều thập niên, phương thức này ngày càng thành công, trở thành lựa chọn hàng đầu của người dân Nhật Bản khi cần giải quyết các tranh chấp dân sự. Luật quy định: “Khi xảy ra tranh chấp dân sự, một bên có thể nộp đơn yêu cầu hòa giải tại tòa án” với mục đích để cao tính chủ động của các bên. Hòa giải tại tòa ở Nhật Bản có 02 phương thức là hòa giải tiền tố tụng (chotei) và hòa giải trong tố tụng (wakai). Việc lựa chọn hòa giải viên được quyết định bởi tòa án, Luật chỉ rõ: “Ban hòa giải bao gồm một Trưởng ban và từ 02 hòa giải viên dân sự trở lên” (Điều 6) và “Trưởng ban được bổ nhiệm bởi Tòa án Địa phương, các hòa giải viên còn lại được bổ nhiệm bởi cấp tòa án tùy theo vụ việc” (Điều 7). Có thể thấy, Nhật Bản đã thành công trong việc xây dựng cấu trúc Ban Hòa giải, với sự kết hợp giữa Trưởng ban có kiến thức pháp lý và các thành viên có thể là chuyên gia trong lĩnh vực khác hoặc nhân vật có uy tín trong cộng đồng để giải quyết tranh chấp một cách mềm dẻo theo đặc điểm riêng của từng vụ việc. Khi các bên tranh chấp đạt được sự thỏa thuận và được ghi vào biên bản, hòa giải kết thúc với một thỏa thuận tư pháp và đó là căn cứ để thi hành. Nếu chưa đạt được thỏa thuận mà tòa án tìm được giải pháp phù hợp, tòa án có thể ban hành các quyết định thay thế hòa giải, nếu các bên tranh chấp không phản đối trong thời gian hai tuần, quyết định này sẽ có hiệu lực thi hành.

3.1.5. Kinh nghiệm của Singapore

Phương thức hòa giải trong giải quyết các tranh chấp dân sự ở Singapore được bắt đầu từ những năm 1990, tuy nhiên ở thời kỳ đầu, hòa giải còn khá mờ nhạt. Đến năm 1997, Trung tâm Hòa giải Singapore (SMC) được thành lập, với nhiệm vụ là trung tâm hòa giải đầu tầu. Nguyên lý quan trọng trong giải quyết tranh chấp của Singapore là hòa giải, tố tụng và trọng tài. “Hòa giải đóng vai trò quan trọng trong qui trình của Tòa án tối cao. Trong suốt vụ án, thẩm phán chủ tọa hoặc nhân viên tư pháp tổ chức hội nghị quản lý vụ án tại đó các bên được khuyến khích khai thác khả năng hòa giải hoặc dùng hình thức ADR khác. Những vụ án phù hợp được chuyển sang hòa giải tại SMC. Khi thực thi quyền tùy quyết định chi phí, tòa án cũng có thể cân nhắc cách thức xử sự của các bên về bất kỳ nỗ lực nào giải quyết tranh chấp thông qua ADR. Điều này tạo động lực cho các bên cân nhắc nghiêm túc hòa giải hoặc hình thức ADR khác để giải quyết tranh chấp của mình” (Vũ Hùng, 2019). Mô hình hòa giải ở Singapore thể hiện ở tính đa dạng của phương thức, sự tham gia chủ động của tòa án, tiêu chuẩn chuyên môn của hòa giải viên và sự liên thông giữa tố tụng, hòa giải trong nước với giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế.

3.1.6. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Hòa giải được triển khai trên nhiều tầng nấc, gồm hòa giải nhân dân tại cộng đồng, hòa giải do các tổ chức chuyên môn thực hiện, hòa giải được tòa án mời tiến hành và hòa giải trong tố tụng. Các ủy ban hòa giải nhân dân được thành lập tại khu dân cư, địa phương, cơ quan, doanh nghiệp và những ngành thường xuyên phát sinh tranh chấp, qua đó đưa hoạt động giải quyết mâu thuẫn đến gần cộng đồng. Tòa án nhân dân có thể khuyến khích các bên hòa giải trước khi xét xử, mời tổ chức hòa giải hoặc hòa giải viên tham gia và thực hiện việc xác nhận tư pháp đối với thỏa thuận hòa giải nếu có yêu cầu, đáp ứng điều kiện pháp luật. Đáng chú ý, Trung Quốc đẩy mạnh hòa giải trực tuyến. Quy tắc hòa giải trực

tuyển của tòa án nhân dân cho phép áp dụng phương thức trực tuyến đối với các tranh chấp dân sự và các tranh chấp khác được pháp luật cho phép hòa giải; quá trình nộp tài liệu, xác minh danh tính, trao đổi, xác nhận thỏa thuận có thể được thực hiện trên nền tảng số (Vũ, Lan, 2019). Mô hình Trung Quốc thể hiện rõ định hướng xã hội hóa hoạt động hòa giải, kết hợp nguồn lực cộng đồng với quyền lực tư pháp và ứng dụng công nghệ để mở rộng khả năng tiếp cận cơ chế giải quyết tranh chấp.

Nhìn chung, kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy hòa giải tranh chấp dân sự đang phát triển theo ba xu hướng chủ yếu. 1) Hòa giải được chuyên nghiệp hóa thông qua các tiêu chuẩn về đào tạo, kỹ năng, đạo đức, tính độc lập và bảo mật của hòa giải viên. 2) Tòa án giữ vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến thông tin, giới thiệu và tạo điều kiện để các bên tranh chấp sử dụng phương thức hòa giải trước khi tiến hành xét xử. 3) Các thỏa thuận đạt được sau khi hòa giải được tòa án công nhận là cơ sở đảm bảo thi hành. Song, quyền quyết định hòa giải thuộc về các bên tranh chấp, dù hòa giải được khuyến khích hay là bắt buộc trong một số trường hợp.

Từ việc phân tích kinh nghiệm về phương thức hòa giải trong giải quyết các tranh chấp dân sự tại một số quốc gia trên thế giới, có thể thấy các mô hình hòa giải rất đa dạng, song nếu dựa trên mối quan hệ giữa tòa án với hoạt động hòa giải, giữa chủ thể và phương thức tiến hành hòa giải, có sáu mô hình và phương thức tổ chức hòa giải trong giải quyết các tranh chấp dân sự là: 1) Hòa giải tiến hành ngoài tòa án, các bên được lựa chọn hòa giải viên hoặc tổ chức hòa giải; 2) Hòa giải tiến hành tại tòa án, trong đó tòa án sẽ giới thiệu, hoặc tổ chức hòa giải các tranh chấp dân sự; 3) Hòa giải do hội đồng hòa giải tiến hành, mô hình này được tiến hành tại tòa án nhưng phải có sự tham gia của các chuyên gia hoặc những người am hiểu pháp luật; 4) Hòa giải cộng đồng và hòa giải chuyên ngành; 5) Hòa giải tiến hành bắt buộc về mặt thủ tục, nhưng kết quả thì tự nguyện, nghĩa là tòa án yêu cầu các bên hòa giải nhưng không bắt buộc họ phải chấp nhận một phương thức giải quyết nào; 6) Hòa giải trực tuyến, giúp khắc phục khoảng cách địa lý, giảm thời gian, chi phí đi lại và phù hợp với các tranh chấp phát sinh từ giao dịch số.

3.2. Giá trị tham khảo từ kinh nghiệm quốc tế đối với việc hoàn thiện phương thức hòa giải tranh chấp dân sự ở Việt Nam

Kinh nghiệm của Đức, Hoa Kỳ, Anh và xứ Wales, Nhật Bản, Singapore cùng một số quốc gia khác cho thấy hòa giải chỉ phát huy đầy đủ vai trò khi được đặt trong một hệ thống pháp luật thống nhất, có đội ngũ hòa giải viên chuyên nghiệp, có sự hỗ trợ thích hợp của tòa án và có cơ chế bảo đảm thi hành kết quả hòa giải thành. Tại Việt Nam, hòa giải tranh chấp dân sự đã được điều chỉnh bằng nhiều văn bản như Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020. Các quy định này tạo cơ sở quan trọng cho việc giải quyết tranh chấp bằng thỏa thuận, nhưng cơ chế hòa giải vẫn được tổ chức theo từng lĩnh vực, chưa hình thành một hệ thống thống nhất và liên thông.

3.2.1. Hoàn thiện khung pháp luật về hòa giải theo hướng thống nhất, đồng bộ và xác định rõ mối quan hệ giữa các loại hình hòa giải

Kinh nghiệm của Đức cho thấy việc ban hành một đạo luật chung về hòa giải giúp xác định rõ bản chất, nguyên tắc, quy trình, địa vị pháp lý và trách nhiệm của hòa giải viên. Luật Hòa giải của Đức định nghĩa hòa giải là một quy trình có cấu trúc, bảo mật và tự nguyện, trong đó các bên tự chịu trách nhiệm tìm kiếm giải pháp với sự hỗ trợ của một hoặc nhiều hòa giải viên; hòa giải viên phải độc lập, trung lập và không có quyền quyết định tranh chấp. Trong khi đó, pháp luật Việt Nam hiện phân chia thành hòa giải ở cơ sở, hòa giải thương mại, hòa giải trong tố tụng và hòa giải tại tòa án, với phạm vi, tiêu chuẩn chủ thể và giá trị pháp lý khác nhau. Do đó, việc nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý chung, hoặc các nguyên tắc thống nhất về tính độc lập, tính bảo mật, tính tự nguyện, quyền tự định đoạt và trách nhiệm cung cấp thông tin là rất cần thiết. Đồng thời, phân định rõ các trường hợp hòa giải thuộc các lĩnh vực chuyên môn để có thể định hướng các hình thức hòa giải phù hợp.

3.2.2. Phát triển một hệ thống hòa giải đa tầng và đa phương thức, đồng thời tăng cường mô hình hòa giải liên kết với tòa án, là một bước tiến quan trọng trong việc giải quyết tranh chấp một cách hiệu quả

Kinh nghiệm của Hoa Kỳ và Singapore chỉ ra rằng, thay vì chỉ dựa vào một phương thức duy nhất,

việc cung cấp cho các bên tham gia nhiều lựa chọn như hòa giải tư nhân, hòa giải do tòa án giới thiệu, hội nghị dàn xếp, đánh giá trung lập, hoặc các phương pháp kết hợp sẽ mang lại hiệu quả cao hơn. Tại một số tòa án liên bang Hoa Kỳ, các bên có nghĩa vụ thảo luận về khả năng áp dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế và cần nộp báo cáo ADR trong quá trình tố tụng. Tòa án cũng duy trì danh sách các hòa giải viên được công nhận. Tại Singapore, áp dụng nguyên tắc ưu tiên sử dụng ADR cho các yêu cầu dân sự tại Tòa án cấp Nhà nước; tòa án có thể lựa chọn phương pháp hòa giải, hòa giải có đề xuất hoặc đánh giá trung lập dựa trên tính chất của vụ việc. Ở Việt Nam, hòa giải tòa án đã được thiết lập theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020. Tuy nhiên, cần tiếp tục phát triển mô hình “tòa án đa cửa”, nơi mỗi tranh chấp được đánh giá sớm để xác định phương thức phù hợp nhất. Các vụ việc có khả năng duy trì mối quan hệ như tranh chấp gia đình, thừa kế, láng giềng, hợp đồng dài hạn hoặc tiêu dùng nên ưu tiên chuyển sang hòa giải. Trong khi đó, những vụ có dấu hiệu vi phạm điều cấm, gian lận, mất cân bằng nghiêm trọng về quyền lực hoặc cần tiền lệ pháp lý phải được đưa ra xét xử kịp thời..

3.2.3. Để nâng cao chất lượng hòa giải, cần chuyên nghiệp hóa đội ngũ hòa giải viên và xây dựng một hệ thống tiêu chuẩn nghề nghiệp đồng bộ

Năng lực, tính độc lập và uy tín của hòa giải viên là những yếu tố then chốt quyết định hiệu quả của quá trình hòa giải. Ở Đức, luật pháp yêu cầu hòa giải viên phải tự trau dồi kiến thức lý thuyết và tích lũy kinh nghiệm qua đào tạo và bồi dưỡng liên tục. Đồng thời, họ không được phép tiến hành hòa giải nếu đã từng tư vấn hoặc đại diện cho một bên trong vụ việc đó. Tại Singapore, hòa giải viên tình nguyện tại tòa án cần được đào tạo bài bản và công nhận chính thức theo cơ chế của Tòa án cấp Nhà nước và Trung tâm Hòa giải Singapore. Ở Việt Nam, việc xây dựng một khung năng lực quốc gia cho hòa giải viên là cần thiết, bao gồm kiến thức pháp luật, kỹ năng đàm phán, giao tiếp, quản trị xung đột, phân tích tâm lý, nhận diện mất cân bằng quyền lực và khả năng soạn thảo thỏa thuận hòa giải. Ngoài ra, cần có hệ thống đăng ký, phân hạng hòa giải viên và cơ chế bồi dưỡng bắt buộc, đánh giá định kỳ. Cần thiết lập quy trình thu hồi tư cách khi vi phạm chuẩn mực. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp cần được cụ thể hóa để làm rõ về bảo mật thông tin, xung đột lợi ích, việc nhận thù lao, tiếp xúc riêng với các bên liên quan, trách nhiệm giải thích và giới hạn của hòa giải viên trong việc đề xuất giải pháp.

3.2.4. Tuân theo nguyên tắc tự nguyện, lao động hòa giải có thể kết hợp với các chiến lược khuyến khích hoặc yêu cầu thích hợp

Tự nguyện là nền tảng của hòa giải, nhưng không có nghĩa rằng hệ thống tư pháp sẽ thụ động chờ đợi các bên đề nghị. Theo kinh nghiệm quốc tế, có thể yêu cầu các bên tham dự một phiên cung cấp thông tin hoặc phiên hòa giải ban đầu, trong khi quyền chấp nhận hoặc từ chối giải pháp vẫn hoàn toàn do họ quyết định. Tại Anh và xứ Wales, một số yêu cầu đòi tiền nhỏ đã được đưa vào dịch vụ hòa giải của tòa án; nếu không đạt được thỏa thuận, vụ việc vẫn có thể tiếp tục xét xử. Tại Singapore, tòa án có khả năng giới thiệu các vụ việc sang phương thức ADR phù hợp trong quá trình quản lý án. Ở Việt Nam, áp dụng cơ chế yêu cầu cung cấp thông tin về hòa giải và yêu cầu tham gia phiên định hướng cho một số tranh chấp dân sự có thể là một lựa chọn phù hợp. Các bên vẫn giữ quyền chấm dứt hòa giải và yêu cầu xét xử. Đồng thời, cần các chính sách như giảm án phí, hoàn trả một phần chi phí tố tụng, hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên hoặc đơn giản hóa thủ tục công nhận kết quả cho những bên tích cực hòa giải. Cách tiếp cận này vừa bảo vệ quyền tiếp cận công lý vừa ngăn chặn việc từ chối hòa giải chỉ vì thiếu thông tin hoặc tâm lý thắng thua.

3.2.5. Nâng cao giá trị pháp lý và khả năng thực thi của kết quả hòa giải thành là rất quan trọng

Một thỏa thuận đạt được trên cơ sở tự nguyện nhưng lại thiếu cơ chế thi hành hiệu quả dễ dẫn đến việc người dân mất lòng tin vào quá trình hòa giải. Tại Nhật Bản, biên bản hòa giải dân sự được thực hiện trong thủ tục của tòa án có thể trở thành căn cứ thi hành tương tự như một phán quyết tư pháp. Ở Singapore, một số thỏa thuận từ hòa giải có thể được đăng ký tại tòa án để tăng tính khả thi trong việc thực hiện. Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam đã đưa ra các điều khoản cho thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài tòa án, cụ thể là trong các Điều 416-419, bao gồm các điều kiện như sự tự nguyện, năng lực hành vi của các bên, tuân thủ pháp luật và không xâm phạm quyền lợi của bên thứ

ba. Tuy nhiên, yêu cầu nộp đơn trong thời gian sáu tháng và việc thiếu mẫu biểu thống nhất có thể gây khó khăn cho một số đối tượng. Do đó, cần đơn giản hóa quy trình công nhận, cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, quy định cụ thể tài liệu cần thiết, rút ngắn thời gian xem xét và hạn chế phạm vi kiểm tra của tòa án vào các điều kiện pháp lý thiết yếu. Với các tranh chấp có yếu tố nước ngoài, Việt Nam cũng nên nghiên cứu sự tương thích của luật pháp trong nước với các chuẩn mực quốc tế về công nhận và thực thi thỏa thuận hòa giải.

3.2.6. Đẩy mạnh hòa giải trực tuyến, thiết lập cơ sở dữ liệu và bảo đảm sự tiếp cận bình đẳng là nhiệm vụ quan trọng trong bối cảnh phát triển giao dịch điện tử

Những tranh chấp có giá trị nhỏ nhưng xảy ra giữa các bên ở địa phương hoặc quốc gia khác nhau đang gia tăng. Singapore đã thành công trong việc áp dụng thương lượng và hòa giải thông qua nền tảng điện tử, cho phép giải quyết tranh chấp trực tuyến với sự hỗ trợ của các hòa giải viên do tòa án chỉ định. Điều này có thể được áp dụng tại Việt Nam bằng cách phát triển một hệ thống hòa giải trực tuyến thống nhất, hỗ trợ việc xác thực danh tính, nộp tài liệu, họp online, ký kết điện tử và chuyển thỏa thuận đến tòa án để công nhận. Quá trình số hóa cần đi đôi với các quy định nghiêm ngặt về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, bảo mật các phiên hòa giải và lưu trữ chứng cứ điện tử. Bên cạnh đó, cần cung cấp sự hỗ trợ cho người cao tuổi, người khuyết tật, dân cư vùng sâu vùng xa và những ai có hạn chế về kỹ năng số thông qua các điểm trợ giúp trực tiếp. Cơ sở dữ liệu quốc gia về hòa giải cũng nên ghi nhận chi tiết về số lượng vụ việc, loại hình tranh chấp, thời gian xử lý, tỷ lệ hòa giải thành công, tỷ lệ tự nguyện thi hành và mức độ hài lòng của các bên tham gia mà không tiết lộ thông tin bảo mật. Những dữ liệu này sẽ là cơ sở quan trọng để đánh giá chất lượng của các hòa giải viên, phân bổ nguồn lực một cách hợp lý và điều chỉnh chính sách phù hợp.

4. Kết luận

Hòa giải là phương thức giải quyết tranh chấp dân sự mang lại nhiều lợi ích như tính linh hoạt, bảo mật, tiết kiệm thời gian và chi phí, đồng thời giúp duy trì mối quan hệ giữa các bên. Kinh nghiệm từ các quốc gia như Hoa Kỳ, Đức, Anh, Nhật Bản, Singapore và Trung Quốc cho thấy hiệu quả của hòa giải phụ thuộc vào khung pháp lý chặt chẽ, sự hỗ trợ của tòa án, sự chuyên môn của hòa giải viên và cơ chế bảo đảm thực thi các thỏa thuận đạt được. Những quốc gia này cũng đang phát triển hệ thống hòa giải đa tầng, thúc đẩy sự chuyên nghiệp của lực lượng hòa giải viên và mở rộng dịch vụ hòa giải trực tuyến. Đối với Việt Nam, việc hấp thụ kinh nghiệm quốc tế cần có sự chọn lọc kỹ lưỡng, chú trọng vào điều kiện pháp lý, kinh tế, văn hóa và xã hội trong nước. Đặc biệt là cần cải thiện pháp luật, đa dạng hóa mô hình tổ chức hòa giải, nâng cao chất lượng của hòa giải viên, đơn giản hóa thủ tục công nhận kết quả và đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ nhằm tăng cường hiệu quả trong việc giải quyết tranh chấp dân sự.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2017). *Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 về hòa giải thương mại*.

Lê Xuân Tùng (2021). Giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài và hòa giải trực tuyến ở Hoa Kỳ. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế - Tài chính online*, ngày 15/8/2021.

Lê Nguyễn Gia Thiện, Nguyễn Thị Thùy Linh (2022). *Một số nội dung cơ bản của Đạo luật Hòa giải của Cộng hòa Liên bang Đức*. <https://luatminhkhue.vn/mot-so-noi-dung-co-ban-cua-dao-luat-hoa-giai-cua-chlb-duc.aspx>.

Nguyễn Sơn Hải (2024). *Án lệ về hòa giải tranh chấp sở hữu trí tuệ tại Vương quốc Anh và hàm ý cho Việt Nam*. *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, ngày 1/7/2024.

Quốc hội (2013). *Luật số 35/2013/QH13 ngày 20/6/2013, Luật Hòa giải ở cơ sở*.

Quốc hội (2015). *Luật số 92/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Luật Tố tụng dân sự*.

Quốc hội (2020). *Luật số 58/2020/QH14 ngày 16/6/2020, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án*.

Thái Vũ, Hùng Lan (2019). Kinh nghiệm quốc tế về hòa giải, đối thoại. *Tạp chí Tòa án Nhân dân điện tử*. <https://tapchitoaan.vn/kinh-nghiem-quoc-te-ve-hoa-giai-doi-thoi>.

Vũ Hùng (2019). Công ước Singapore về hòa giải - một thời đại mới xuất hiện. *Tạp chí Tòa án Nhân dân điện tử*, ngày 07/9/2019.